

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 158/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Bùi Chí T**, sinh năm 1997; Căn cước công dân số 001097024430 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/08/2021; HKTT: Thôn V, xã A, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị Mỹ L**, sinh năm 1999; Căn cước công dân số 001199015729 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/08/2021; HKTT: Thôn V, xã A, thành phố Hà Nội.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 04 năm 2026.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 04 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

**Anh Bùi Chí T và chị Phạm Thị Mỹ L.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Về con chung: Anh Bùi Chí T và chị Phạm Thị Mỹ L là 01 (một) con chung là: Bùi Tuệ A, sinh ngày 04/01/2023

Anh chị thoả thuận giao cho chị Phạm Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung kể từ khi có quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Bùi Chí T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh T và chị L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[2.4] Về công nợ: Anh T và chị L xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[2.5] Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Bùi Chí T chịu cả số tiền 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số BLTU/26E/0007346 ngày 27/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Anh T được nhận lại số tiền 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Khu vực 8 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP. Hà Nội;
- UBND xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội (nay là: xã Sơn Đông, TP. Hà Nội) (GCNKH số 25 ngày 26/02/2022);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Đoan**